|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  HUYỆN CHƯ P RÔNG  **BAN THƯỜNG TRỰC**  Số:100/HD-MTTQ-BTT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Chư Prông, ngày 03 tháng 3 năm 2021* |

**HƯỚNG DẪN**

**Về việc tổ chức các hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu**

**Hội đồng nhân dân các cấp ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xã, thị trấn và triển khai làm, nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp**

Để thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong triển khai quy trình giới thiệu người ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Trên cơ sở Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia và các văn bản liên quan; Hướng dẫn số 47 /HD-MTTQ- BTT, ngày 24/02/2021 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Gia Lai về việc tổ chức các hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hộivà đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xã, phường, thị trấn và triển khai làm, nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ Việt Nam huyện Hướng dẫn thực hiện tổ chức các hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu HĐND các cấp ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xã, thị trấn và triển khai làm, nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, như sau:

**I. TIÊU CHUẨN CỦA ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**

***1. Tiêu chuẩn chung*** (Điều 7, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Hướng dẫn 36 của Ban Tổ chức TW)

(1) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

(2) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

(3) Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

(4) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

(5) Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước nói chung phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu; có tư tưởng chính trị vững vàng; có năng lực xây dựng chính sách và khả năng tổ chức hoạt động giám sát, có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến; thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.Không giới thiệu và đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết; những người vi phạm Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị về “Một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng” hoặc có vấn đề về chính trị chưa được kết luận. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền tham gia Hội đồng nhân dân các cấp.

***2. Tiêu chuẩn, điều kiện của đại biểu HĐND chuyên trách*** (Hướng dẫn 36 của Ban Tổ chức TW)

Ngoài các tiêu chuẩn chung, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp huyện, xã phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có trình độ đào tạo đại học trở lên *(đối với cấp huyện)*.

- Ở cấp huyện: Cán bộ ứng cử Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là huyện ủy viên, giữ chức vụ từ trưởng phòng hoặc tương đươngở cấp huyện trở lên và đã được quy hoạch Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên; cán bộ ứng cử trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên;ứng cử phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 05 năm trở lên và đã được quy hoạch vào chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên.

Đối với các đồng chí dự kiến bố trí làm Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện kiêm nhiệm, cần có năng lực, trình độ, sức khỏe và thời gian để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Ở cấp xã: Cán bộ ứng cử Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là cấp ủy viên, nơi nào có điều kiện thì bố tríủy viên thường vụ đảng ủy cấp xã. Ưu tiên lựa chọn cán bộ trẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, uy tín cao, có trình độ, năng lực, khả năng phát triển và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Về độ tuổi:

+ Cán bộ, công chức, viên chức lần đầu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách phải đủ tuổi tham gia 02 nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân trở lên hoặc ít nhất trọn một nhiệm kỳ, nam sinh từ tháng 02/1966, nữ sinh từ tháng 01/1971 trở lại đây; nhân sự tái cử phải còn đủ tuổi công tác ít nhất là 1/2 nhiệm kỳ (*30 tháng*) trở lên tính từ tháng 5/2021, nam sinh từ tháng 8/1963, nữ sinh từ tháng 7/1968 trở lại đâyvà sẽ nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định của Bộ Luật Lao động 2019. Riêng những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ Quân đội, Công an thực hiện theo độ tuổi quy định tại Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân *(Đối với lực lượng Quân đội có thêm Hướng dẫn 276/HD-CT, ngày 05/02/2021 của Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam)*. Đối với những trường hợp tuổi ứng cử cao hơn, như lãnh đạo các hội theo Kết luận số 58-KL/TW ngày 12/9/2019 của Ban Bí thư do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

+ Cán bộ nữ thuộc đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo Nghị định của Chính phủ**[[1]](#footnote-2)** được tính tuổi công tác như nam, người ứng cử lần đầu sinh từ tháng 01/1966, tái cử sinh từ tháng 7/1963 trở lại đâyvà sẽ nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định.

- Về tiêu chuẩn sức khỏe: Được cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 5/2021 *(xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe).*

***3.Những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân*** (Điều 37, Luật BCĐBQH và ĐBHĐND)

(1) Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

(2) Người đang bị khởi tố bị can.

(3) Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

(4) Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

(5) Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**II. TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU**

Trên cơ sở kết quả hiệp thương lần thứ nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân, căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử tiến hành lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

**1.Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân** **các cấp***(Điều 12, Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021).*

- Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được **tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021.**

- Người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo các bước sau đây:

a) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị họp để dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử.

- Việc giới thiệu người của thôn, tổ dân phố để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**2.Họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân** *(Điều 13, Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021).*

*\* Thành phần dự họp:*

a) Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;

b) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp;

c) Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

*\* Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp:*

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử;

b) Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử;

c) Cuộc họp thông qua biên bản (theo Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết số 09 ngày 15/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam).

**3. Tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân** *(Điều 14, Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021; Điều 1, 3 và 4, Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).* Cụ thể:

*\* Điều 14, Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT/UBTVQH-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 quy định:*

1. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND được tiến hành theo quy định tại các điều 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Biên bản hội nghị được lập theo Mẫu số 02/HNCT kèm theo Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trình tự, thủ tục giới thiệu lại người được dự kiến giới thiệu ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết liên tịch số 09.

***\* Tổ chức Hội nghị cử tri nơi công tác*** *(Điều 1, Nghị quyết 1186):*

*- Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân* (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

*- Thẩm quyền chủ trì và triệu tập hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:*

a) Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức đó triệu tập và chủ trì hội nghị, trừ trường hợp quy định tại điểm (e) khoản này;

b) Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

c) Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

d) Các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

đ) Người ứng cử làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị;

e) Người ứng cử công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã hoặc là công chức xã, phường, thị trấn thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị;

g) Người ứng cử công tác ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị;

\*/ Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị;

\*/ Trường hợp nơi công tác hoặc nơi làm việc của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản này chưa có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu triệu tập và chủ trì hội nghị.

\*/ Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các tổ chức Công đoàn trực thuộc cử đại diện tham dự; trường hợp không có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

\*/ Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

***\* Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri****(Điều 4, Nghị quyết 1186)*

(1) Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

a) Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định;

c) Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

d) Giới thiệu danh sách người ứng cử;

đ) Đọc tiêu chuẩn của tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

(3) Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

(4) Người ứng cử phát biểu.

(5) Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

(6) Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên người ứng cử. Nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên của nhưng người ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

(7) Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

(8) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (theo Mẫu số 01/HNCT hoặc Mẫu số 02/HNCT).

\*/ Trong trường hợpcơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thông báo phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh cơ cấu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. *(Thông tri 13/TT-MTTW-BTT, ngày 19/10/2021 của Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam)*

***\* Nội dung và biên bản hội nghị cử tri****(Điều 3, Nghị quyết 1186)*

- Tại hội nghị cử tri nơi công tác, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử.

- Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử. Việc gửi biên bản được quy định như sau:

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (trước ngày 11/3/2021) trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

**4. Hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu HĐND các cấp***(Điều 15, NQ LT09)*

*a. Thành phần dự hội nghị:*

- Đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Ban Thường vụ mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc Ban Thường trực mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc lãnh đạo các tổ chức thành viên. Trường hợp tổ chức xã hội không lập Ban Thường vụ thì tổ chức hội nghị Ban chấp hành;

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị Ủy ban nhân dân mở rộng đến đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc;

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp huyện thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân;

d) Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

e) Đối với các đơn vị sự nghiệp thì người đứng đầu đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

g) Đối với tổ chức kinh tế thì người đứng đầu tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến người đứng đầu các phòng, ban, phân xưởng, trạm, trại và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

h) Đối với đơn vị vũ trang nhân dân thì chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp;

i) Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

*b. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị:*

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

b) Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó;

c) Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết số 09 ngày 15/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam).

**III. VIỆC TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HĐND CẤP XÃ Ở THÔN, BẢN, KHU DÂN CƯ**

**1. Nội dung, trình tự dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND cấp xã***(Điều 5,Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).*

(1) Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể họp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

(2) Trưởng ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì hội nghị gồm toàn bộ các thành viên của Ban công tác Mặt trận để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

(3) Thủ tục tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

c) Hội nghị thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

d) Trưởng ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận hội nghị;

đ) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 03/HNMT, Nghị quyết 1186).

**2. Hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã***(Điều 6,Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).*

\* Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Thành phần mời dự hội nghị gồm:

a) Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị;

b) Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận;

c) Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố;

d) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

\* Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri được thực hiện như sau:

a) Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

b) Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét;

d) Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử;

đ) Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên của những người được hội nghị cử tri dự kiến giới thiệu ứng cử. Nếu có nhiều người được giới thiệu ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người được giới thiệu ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người được giới thiệu ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định;

e) Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết;

g) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT, Nghị quyết 1186).

**IV. HƯỚNG DẪN LÀM HỒ SƠ VÀ NỘP HỒ SƠ CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP.**

**1. LÀM HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HĐND**

Hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Điều 35 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Điều 2, Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia ) gồm:

a) Đơn ứng cử: Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 06/HĐBC-HĐND;

b) Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú: Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 07/HĐBC-HĐND;

c) Tiểu sử tóm tắt: đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 08/HĐBC-HĐND;

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử: đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 09/HĐBC-HĐND;

đ) Mỗi bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử gửi kèm theo 03 ảnh chân dung màu, nền trắng, cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt).

**\*Lưu ý:**

- Người ứng cử thực hiện việc kê khai các nội dung đầy đủ, chính xác theo hướng dẫn trong các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

- Ảnh chân dung của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.

**2. NỘP HỒ SƠ CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP**

a. Nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Điều 36 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Điều 3, Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia ) được thực hiện như sau:

*Người ứngcửđại biểu Hội đồng nhân dân*: Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử. Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

*Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo các quy định của pháp luật thì Ủy ban bầu cử chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.*

Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

b. Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 là trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021. Riêng thứ Bảy *(ngày 13 tháng 3 năm 2021)* và Chủ nhật *(ngày 14 tháng 3 năm 2021)*, Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

c. Nơi nhận hồ sơ cấp huyện:

- **Ủy ban bầu cử huyện:** Cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử huyện (Phòng Nội vụ)

-**Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:** Số 16, đường Trần Phú, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai(Phòng Nội vụ).

- **Thời gian nhận hồ sơ:**Trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021. Riêng thứ Bảy *(ngày 13 tháng 3 năm 2021)* và Chủ nhật *(ngày 14 tháng 3 năm 2021)* Phòng Nội vụ cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử, buổi sáng từ 7h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h00 đến 17h00.

Trên đây là Hướng dẫn chung vềthực hiện tổ chức các hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xã, thị trấn và triển khai làm, nộp hồ sơ ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban Thường trực ỦY ban MTTQ Việt Nam huyện.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận :***  - Thường trực Huyện;  - Ủy ban bầu cử, TT.HĐND, UBND huyện;  - Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu;  - UBMTTQ Việt Nam các xã, thị trấn;  - Lưu Mt. | TM. BAN THƯỜNG TRỰC  **CHỦ TỊCH**  **Kpuih Hồ Công Thông** |

**I. MẪU BIÊN BẢN THEO NGHỊ QUYẾT 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 CỦA UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Mẫu số 01/HNCT*

|  |  |
| --- | --- |
| **(1)……………………..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ NGƯỜI ĐƯỢC DỰ KIẾN GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Hồi …..giờ….. ngày…... tháng….. năm ….., tại (2)…………………………, đã tiến hành hội nghị cử tri tại (1)……………………. để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử (3)…………………………...

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:....………………… Chức vụ …………

- Họ và tên Thư ký hội nghị:………………………... Chức vụ ……………

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ……………………………………….

+ ……………………………………….

+ ……………………………………….

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị) được mời: …………………………………………..

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị: ……………………………………………………………………..

2. Họ và tên người của cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến giới thiệu ứng cử:

1 ………………………………….

2 ………………………………….

3 ………………………………….

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người được giới thiệu ứng cử:

1 …………………………………..

2 …………………………………..

3 …………………………………..

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết thể hiện sự tín nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức ………………………….(4)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người được giới thiệu ứng cử như sau:

1 …………………………………

2 …………………………………

3 …………………………………

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người được giới thiệu ứng cử cần phải xác minh (nếu có) ……………………………………………………………………..(5)

Hội nghị kết thúc hồi:………………………… giờ……………………… cùng ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) (ghi rõ họ tên) | **CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ** (ký tên, đóng dấu) (ghi rõ chức vụ và họ tên) |

***Ghi chú:***

Mẫu số 01/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri để lấy ý kiến nhận xét về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến giới thiệu ứng cử (theo quy định tại các điều 41, 42 và 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Ghi rõ "đại biểu Quốc hội khóa...." hoặc "đại biểu Hội đồng nhân dân cấp….. nhiệm kỳ……." tùy theo từng trường hợp.

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(5) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người ứng cử.

(\*) Biên bản này phải được gửi kèm theo biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

*Mẫu số 02/HNCT*

|  |  |
| --- | --- |
| **(1)……………………..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI  
LẤY Ý KIẾN CỬ TRI (2)………………….**

Hồi.... giờ ... ngày….. tháng….. năm ……, tại (3) ……………………………………., đã tiến hành hội nghị cử tri (2) …………………………….. để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội/đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:………………….. Chức vụ ……………

- Họ và tên Thư ký hội nghị:.………………………. Chức vụ ………...…..

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ………………………….

+ ………………………….

+ ………………………….

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc thôn/tổ dân phố) được mời: …………………

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị: …………………………………………………………………….

2. Họ và tên người ứng cử:

1 …………………………….

2 …………………………….

3 …………………………….

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người ứng cử:

1 …………………………….

2 …………………………….

3 ……………………………

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết thể hiện sự tín nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức …………………………(4)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử như sau:

1………………………………

2 ……………………………...

3 ………………………………

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người ứng cử cần phải xác minh (nếu có) (5)..............

Hội nghị kết thúc hồi:……… giờ…………….. cùng ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) (ghi rõ họ tên) | **CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ** (ký tên, đóng dấu) (ghi rõ chức vụ và họ tên) |

***Ghi chú:*** Mẫu số 02/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi cư trú để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (theo quy định tại Điều 45 và Điều 54 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử đang công tác (nếu có) hoặc tên xã/phường/thị trấn nơi người ứng cử cư trú.

(2) Ghi rõ "NƠI CƯ TRÚ" hoặc "NƠI CÔNG TÁC".

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị (ghi rõ nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đặt trụ sở đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc tên thôn, tổ dân phố đối với hội nghị cử tri nơi cư trú).

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(5) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người ứng cử.

(\* ) Biên bản này phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

*Mẫu số 03/HNMT*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ/PHƯỜNG/ THỊ TRẤN (1)…….. **BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN THÔN/TỔ DÂN PHỐ (2)…….** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** | |
|  | *……., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ**

Hồi….. giờ….. ngày….. tháng…… năm…….., tại (3) …………………………….. Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố (2)…………………. tiến hành hội nghị Ban công tác Mặt trận để thảo luận việc dự kiến giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

1. Tổng số người được triệu tập:…………………… người.

Số người có mặt:…………. người, vắng…………… người có lý do.

2. Hội nghị nghe Thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/thị trấn (1)…………………….. phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn/tổ dân phố (2)……………………… được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Nghe ông (bà) …………………………., Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Căn cứ tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, hội nghị thảo luận, nhận xét và biểu thị sự tín nhiệm đối với những người được giới thiệu ứng cử như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 ………………………..  2 ………………………..  3………………………… | https://thuvienphapluat.vn/doc2htm/00462917_files/image001.jpg | *(Ghi rõ họ tên và ý kiến nhận xét đối với từng người tại hội nghị)* |

Hội nghị nhất trí dự kiến danh sách các ông (bà) có tên sau đây để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/ phường/thị trấn (1)………………… nhiệm kỳ (4) ………………………….

1 ……………………………

2 ……………………………

3 …………………………..

Hội nghị kết thúc hồi……………. giờ…………… cùng ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) (ghi rõ họ tên) | **TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN TRƯỞNG BAN** (Ký, ghi rõ họ tên) (Đóng dấu xác nhận của UBMTTQVN cấp xã) |

***Ghi chú:***

(1) Tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã.

(2) Tên gọi của thôn, tổ dân phố hoặc tương đương.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(4) Ghi rõ nhiệm kỳ của HĐND cấp xã.

(\*) Biên bản này gửi cùng với biên bản hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

*Mẫu số 04/HNCT*

|  |  |
| --- | --- |
| **THÔN/TỔ DÂN PHỐ (1)…………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN (2) …………………., NHIỆM KỲ (3) ………………..**

Hồi….. giờ….. ngày …..tháng….. năm ….., thôn/tổ dân phố (1)……………………… đã tiến hành hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ (3)…………. theo Thông báo số …….TB/MTTQ ngày….. tháng….. năm ……của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/thị trấn (2)………………. về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:……………………. Chức vụ……………

- Họ và tên Thư ký hội nghị:…………………….. Chức vụ………………..

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ………………………………….

+ ………………………………….

- Tổng số cử tri được mời: …………………

- Tổng số cử có mặt tại hội nghị: ……………………

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn (2)…………………. nhiệm kỳ(3)…………………

1 ……………………………

2 ……………………………

3 …………………………….

3. Nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau: (ghi tóm tắt ưu, khuyết điểm theo tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân)

1 ………………………………………………………………..

2 …………………………………………………………………

3 ………………………………………………………………….

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết về danh sách người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng hình thức ………………………………………….(4)

5. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người có tên sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/thị trấn) (2)……………………………. hiệp thương lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp (kèm theo danh sách trích ngang):

1 ……………………………………………………………………..

2 …………………………………………………………………….

3 ……………………………………………………………………

Hội nghị kết thúc hồi……… giờ…….. cùng ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) (ghi rõ họ tên) | **CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ** (ký tên) (ghi rõ chức vụ và họ tên) |

***Ghi chú:***

(1) Tên thôn, tổ dân phố và tương đương.

(2) Tên đơn vị hành chính cấp xã.

(3) Ghi rõ nhiệm kỳ của HĐND cấp xã.

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(\*) Biên bản này được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ngay sau khi kết thúc hội nghị.

**II. MẪU BIÊN BẢN THEO NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 09/2021 GIỮA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI - CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH  
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

*Mẫu số 02/BCĐBQH-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| (1).............................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày……tháng……năm 2021* |

**BIÊN BẢN  
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ  
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV**

Hồi.......giờ.......phút, ngày......tháng.....năm 2021, cơ quan (tổ chức, đơn vị) (1).........đã tiến hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo Thông báo số ........../TB-MTTQ ngày........tháng.............năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam .........(2) về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà) ................................Chức vụ: ..........................

- Thư ký cuộc họp: ông (bà) ................................Chức vụ: ..........................

1. Thành phần dự họp: (3)

+.......................................................

+.......................................................

+.......................................................

- Tổng số người được mời:.............................

- Tổng số người có mặt:........................................

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

1..............................

2...............................

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

.........................................................................................................................

.........................................................................................................................

.........................................................................................................................

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (kèm theo danh sách trích ngang):

1. .............................

2. .............................

5. Cuộc họp kết thúc hồi..........giờ........

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ CUỘC HỌP** (Ký tên) (Ghi rõ họ và tên) | **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ tên, chức vụ) |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(\*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

*Mẫu số 03/BCĐBQH-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| (1).............................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày……tháng…… năm 2021* |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ  
GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV**

Hồi......giờ......., ngày... ... tháng ... … năm 2021, cơ quan (tổ chức, đơn vị) (1)............ đã tiến hành hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, theo Thông báo số ........../TB-MTTQ ngày ......... tháng ....... năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.......................(2) về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Chủ trì hội nghị: ông (bà) ............................Chức vụ: ................................

- Thư ký hội nghị: ông (bà) ............................Chức vụ: ...............................

1. Thành phần hội nghị: (3)

+.......................................................

+.......................................................

+.......................................................

- Tổng số người được mời:.............................

- Tổng số người có mặt:........................................

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

1. .............................

2. .............................

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

..........................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (kèm theo danh sách trích ngang)(4):

1. .............................

2. .............................

5. Hội nghị kết thúc hồi .......... giờ ...............

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) (Ghi rõ họ và tên) | **CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ** (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ tên, chức vụ) |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(4) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBQH-MT.

(\*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

*Mẫu số 04/BCĐBQH-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| ............................ (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày…… tháng…… năm 2021* |

**DANH SÁCH**

**NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV***(Do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ  và tên**(2) | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Dân tộc** | **Tôn giáo** | **Quê quán** | **Nơi ở hiện nay**(3) | **Trình độ** | | | | | **Nghề nghiệp, chức vụ**(4) | **Nơi công tác** | **Ngày vào Đảng**  **(nếu có)** | **Đại biểu Quốc hội khoá**  **(nếu có)** | **Đại biểu HĐND**  **nhiệm kỳ**  **(nếu có)** | **Ghi chú** |
| Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.  (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...  (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.  (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...) | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ** (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ và tên, chức vụ) |

*Mẫu số 05/BCĐBQH–MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM** ……………………………………….. (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày…… tháng…… năm 2021* |

**DANH SÁCH  
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV***(Kèm theo biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ...... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam…..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ  và tên**(2) | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Dân tộc** | **Tôn giáo** | **Quê quán** | **Nơi ở hiện nay**(3) | **Trình độ** | | | | | **Nghề nghiệp, chức vụ**(4) | **Nơi công tác** | **Ngày vào Đảng**  **(nếu có)** | **Đại biểu Quốc hội khoá**  **(nếu có)** | **Đại biểu HĐND**  **nhiệm kỳ**  **(nếu có)** | **Ghi chú** |
| Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.  (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...  (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.  (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...). | **TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM .…**  (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ và tên, chức vụ) |

*Mẫu số 04/BCHĐND-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| ............................ (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày…… tháng…… năm 2021* |

**DANH SÁCH**

**NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021-2026***(Do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ  và tên**(2) | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Dân tộc** | **Tôn giáo** | **Quê quán** | **Nơi ở hiện nay**(3) | **Trình độ** | | | | | **Nghề nghiệp, chức vụ**(4) | **Nơi công tác** | **Ngày vào Đảng**  **(nếu có)** | **Đại biểu HĐND**  **(nếu có)** | **Ghi chú** |
| Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.  (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...  (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.  (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...) | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ** (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ và tên, chức vụ) |

*Mẫu số 05/BCHĐND–MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM** ……………………………………….. (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày…… tháng…… năm 2021* |

**DANH SÁCH  
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021-2026***(Kèm theo biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ...... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam…..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ  và tên**(2) | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Dân tộc** | **Tôn giáo** | **Quê quán** | **Nơi ở hiện nay**(3) | **Trình độ** | | | | | **Nghề nghiệp, chức vụ**(4) | **Nơi công tác** | **Ngày vào Đảng**  **(nếu có)** | **Đại biểu HĐND**  **(nếu có)** | **Ghi chú** |
| Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.  (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...  (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.  (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...). | **TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM .…**  (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ và tên, chức vụ) |

*Mẫu số 02/BCĐHĐND-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| (1).............................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày…… tháng…… năm 2021* |

**BIÊN BẢN  
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN GIỚI THIỆU  
NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỒI ĐỒNG NHÂN DÂN …………  
NHIỆM KỲ 2021-2026**

Hồi.......giờ........., ngày......tháng.....năm 2021, tại (2) …………….. cơ quan tổ chức, đơn vị (1)……....... đã tiến hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân …… nhiệm kỳ 2021-2026, theo Thông báo số ........../TB-MTTQ ngày ...... tháng ....... năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (tỉnh, huyện, xã) .........(3) về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà) ...................................Chức vụ: ................................

- Thư ký cuộc họp: ông (bà) ..................................Chức vụ: .................................

1. Thành phần họp: (4)

+.......................................................

+.......................................................

- Tổng số người được mời:.............................

- Tổng số người có mặt:........................................

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân …… nhiệm kỳ 2021-2026:

1..............................

2...............................

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

+ ...................................................................................................

+ ...................................................................................................

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang) (5)

1. .....................................................................................................................

2. .....................................................................................................................

- Hội nghị kết thúc hồi ………….. giờ ………….

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ CUỘC HỌP** (Ký tên) | **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** (Ký tên, đóng dấu) (Ghi rõ họ tên, chức vụ) |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốcViệt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT.

(\*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

*Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1).............................. | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày……tháng……năm 2021* | | |
|  | |  |

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ   
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN …………..  
NHIỆM KỲ 2021-2026**

Hồi ...... giờ......., ngày ....... tháng ..... năm 2021, (2)……………………… cơ quan, tổ chức, đơn vị (1)............ đã tiến hành hội nghị giới thiệu những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân …………… nhiệm kỳ 2021-2026, theo Thông báo số ........../TB-MTTQ ngày.........tháng.......năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tỉnh, huyện, xã)(3) …….. về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì hội nghị: ông (bà) ............................Chức vụ: .........................................

- Thư ký hội nghị: ông (bà) ............................Chức vụ: .........................................

1. Thành phần hội nghị: (4)

+.......................................................

+.......................................................

- Tổng số người được mời:.............................

- Tổng số người có mặt:........................................

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ……. nhiệm kỳ 2021-2026:

1. .............................

2. .............................

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

+ ......................................................................................................................

+ ......................................................................................................................

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang)(5):

1………………………………………..............................

2……………………………………….............................

- Hội nghị kết thúc hồi..........giờ...............

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ HỘI NGHỊ** (Ký tên) | **CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ** (Ký tên, đóng dấu) (ghi rõ chức vụ, họ và tên) |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT.

(\*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

**III. MẪU THEO NGHỊ QUYẾT 41/2021/HĐBC**

*Mẫu số 01/HĐBC-QH*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------------------**

**ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV**

Kính gửi: (1)…………………………………….

1. Họ và tên thường dùng: (2)

2. Họ và tên khai sinh: (3)

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Giới tính:…………………………………..

5. Quốc tịch: (4)

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)

7. Quê quán: (6)

8. Nơi đăng ký thường trú: (7)

Nơi ở hiện nay: (8)

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)

Ngày cấp:……………………………… Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: (10) 11. Tôn giáo: (11)……………………………………........

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12)

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)

- Học vị: (14)……………………… Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16)

- Ngoại ngữ: (17)

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)

14. Chức vụ (19):

- Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác:

- Chức vụ trong Đảng, đoàn thể:

15. Nơi công tác: (20)

16. Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:…………… Số điện thoại nhà riêng:

Số điện thoại di động:……………………………….. E-mail:

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày….tháng.... năm 2021* **Ký tên** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 02/HĐBC-QH*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ảnh*  *4cm x 6cm* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------------------**  **SƠ YẾU LÝ LỊCH**  **CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV** |

1. Họ và tên thường dùng: (2)

2. Họ và tên khai sinh: (3)

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Giới tính:…………………………………

5. Quốc tịch: (4)

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)

7. Quê quán: (6)

8. Nơi đăng ký thường trú: (7)

Nơi ở hiện nay: (8)

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)

Ngày cấp:…………………………….. Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: (10)…………………. 11. Tôn giáo: (11)

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12)

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)

- Học vị: (14)……………………. Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16)

- Ngoại ngữ: (17)

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:

- Ngạch: Mã ngạch ……………………………………………………..

- Bậc lương (nếu có):……… Hệ số lương:………….. Ngày hưởng

- Phụ cấp chức vụ (nếu có):

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19)

15. Nơi công tác: (20)

16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: (21)

- Ngày vào Đảng:……./……/…………

- Ngày chính thức: ……../……../………; Số thẻ đảng viên:

- Chức vụ trong Đảng:

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):

Lý do ra khỏi Đảng:

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: (22)

- Tên tổ chức đoàn thể:

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:

18. Tình trạng sức khỏe: (23)

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24)

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25) ………

…………………………………………………………………………..

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):…………………….. nhiệm kỳ

**23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể) |
| Từ tháng……năm ……  đến tháng…..năm…….  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ……………………… | ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  …………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  …………………………………………………………… |

**QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)**

24. Họ và tên cha: Sinh ngày……tháng…….năm………..

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

25. Họ và tên mẹ: Sinh ngày……..tháng……..năm………..

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

26. Họ và tên vợ (chồng): Sinh ngày……….tháng……..năm…………

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

27. Họ và tên con thứ nhất: Sinh ngày……….tháng……..năm………..

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú** | *………., ngày……tháng……năm 2021* **Ký tên** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 03/HĐBC-QH*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ảnh*  *4cm x 6cm* | **TIỂU SỬ TÓM TẮT**  **CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV** |

1. Họ và tên thường dùng: (2)

2. Họ và tên khai sinh: (3)

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh:……………………………….. 4. Giới tính:

5. Quốc tịch: (4)

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)

7. Quê quán: (6)

8. Nơi đăng ký thường trú: (7)

Nơi ở hiện nay: (8)

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)

Ngày cấp:………………………………………… Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: (10)……………………………. 11. Tôn giáo: (11)

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12)

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)

- Học vị: (14)……………………………. Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16)

- Ngoại ngữ: (17)

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19)

15. Nơi công tác: (20)

16. Ngày vào Đảng: (21) ………./………./

- Ngày chính thức: ……./……../……….; Số thẻ đảng viên

- Chức vụ trong Đảng:

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):

Lý do ra khỏi Đảng:

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: (22)

- Tên tổ chức đoàn thể:

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:

18. Tình trạng sức khỏe: (23)

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24)...

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25)

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):………………………nhiệm kỳ.

**TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể) |
| Từ tháng…………năm ……  đến tháng………..năm……  …………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………….  …………………………………………. | ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………….……………………  ………………………….…………………..  ……………………………………………..  ……………………………………………..  ……………………………………………  ………………………………………………  …………………………………………….  …………………………………………….  …………………………………………….  ……………………………………………………  ……………………………………………… |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………...., ngày…..tháng…..năm 2021* **Ký tên** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 04/HĐBC-QH*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------------------------------**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (27)**

**CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV**

(Ngày……tháng…….năm 2021)(27.2)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:....................................

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(27.3):

Ngày cấp:…………………….. nơi cấp:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:………………….

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc(27.4):

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

Ngày cấp:…………………………………. nơi cấp:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: …………………….

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

Ngày cấp:………………………………………. nơi cấp:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**(27.5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(27.6):

1.1. Đất ở(27.7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ(27.8):

- Diện tích(27.9):

- Giá trị(27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(27.11):

- Thông tin khác (nếu có)(27.12):

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác(27.13):

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:……………………….. Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị(27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà(27.14):

- Diện tích sử dụng (27.15):

- Giá trị(27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác(27.16):

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:………………………………. Địa chỉ:

- Loại công trình:………………………………….. Cấp công trình:.

- Diện tích:....

- Giá trị (27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất(27.17):

3.1. Cây lâu năm(27.18):

- Loại cây:…………………….. Số lượng:……………….. Giá trị(27.10):

- Loại cây:…………………….. Số lượng:……………….. Giá trị(27.10):

3.2. Rừng sản xuất(27.19):

- Loại rừng:………………………. Diện tích:………………. Giá trị(27.10):

- Loại rừng:………………………. Diện tích:………………. Giá trị(27.10):

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:……………………. Số lượng:……………………… Giá trị(27.10):

- Tên gọi:……………………. Số lượng:……………………… Giá trị(27.10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(27.20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(27.21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị:

- Tên cổ phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị:

- Tên trái phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị:

6.3. Vốn góp(27.22):

- Hình thức góp vốn:………………………………………….. Giá trị:

- Hình thức góp vốn:………………………………………….. Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác(27.23):

- Tên giấy tờ có giá:………………………………………… Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:………………………………………… Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)( 27.24):

- Tên tài sản:……………………….. Số đăng ký:……………………. Giá trị:

- Tên tài sản:……………………….. Số đăng ký:……………………. Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác(27.25):

- Tên tài sản:…………………. Năm bắt đầu sở hữu:……………….. Giá trị:

- Tên tài sản:…………………. Năm bắt đầu sở hữu:……………….. Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài(27.26):

9. Tài khoản ở nước ngoài(27.27):

- Tên chủ tài khoản:……………………………, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**H. DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP**

*(Kèm theo các mẫu số 01, 02, 03, 04/HĐBC-QH)*

(1) Nơi nhận: Ghi Hội đồng bầu cử quốc gia (nếu là người được cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu ứng cử); ghi tên Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi mình ứng cử (nếu là người do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử).

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A...).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ **“Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”**; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh hoặc tương đương nơi đã cấp Giấy khai sinh hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh của ông nội hay nơi sinh của cha; trường hợp cá biệt có thể ghi theo nơi sinh của mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ); ghi rõ tên hiện nay của xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên Sổ hộ khẩu.

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi **“Như trên”**. Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp ...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

(9) Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: Ghi một trong các số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc số căn cước công dân; trường hợp là Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân thì ghi số giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer....

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo (nếu có) (như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư ...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi **“không”**.

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm, học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là **“9/10 phổ thông”**, đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là **“12/12 phổ thông”**,...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, Phó giáo sư, Viện sĩ....

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ luật - Tiếng Anh...). Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì viết rõ tên dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp (lực lượng vũ trang, ngoại giao...); chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm nào và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: tốt, trung bình, kém.

(24) Chỉ khai những hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cao nhất trong từng loại đối với cá nhân và viết rõ tên, hạng, được tặng năm nào (Ví dụ: được tặng Huân chương lao động hạng 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương lao động hạng 2; được tặng Huân chương độc lập hạng 1, 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương độc lập hạng 1... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể), gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xỷ lý hình sự: các hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án về hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi **“Không bị kỷ luật, không có án tích”.**

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

(27) Việc kê khai đối với Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng đại biểu Quốc hội khóa XV thực hiện theo Hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cụ thể như sau:

(27.2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(27.3) Ghi số căn cước công dân; trường hợp chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; ghi rõ ngày cấp và cơ quan cấp.

(27.4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

(27.5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(27.6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(27.7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(27.8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(27.9) Ghi diện tích đất (m2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(27.10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(27.11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(27.12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (Ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(27.13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(27.14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(27.15) Ghi tổng diện tích (m2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của Nhà nước.

(27.16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(27.17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(27.19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(27.20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(27.22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(27.23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(27.24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tầu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27.27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

------------------------------

*Mẫu số 06/HĐBC-HĐND*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------------------------**

**ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)………………**

**NHIỆM KỲ 2021-2026**

Kính gửi: Ủy ban bầu cử (1)………………………….

1. Họ và tên thường dùng: (2) ......................................................................................

2. Họ và tên khai sinh: (3) ............................................................................................

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): ...............................................................................

3. Ngày, tháng, năm sinh:……………………………….. 4. Giới tính: .................................

5. Quốc tịch: (4) ..........................................................................................................

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5) ........................................................................................

7. Quê quán: (6) ..........................................................................................................

8. Nơi đăng ký thường trú: (7) ......................................................................................

Nơi ở hiện nay: (8) .......................................................................................................

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9) .............................................................

Ngày cấp:…………………………………… Cơ quan cấp: ................................................

10. Dân tộc: (10)………………………… 11. Tôn giáo: (11) ..............................................

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12) ...........................................................................................

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13).......................................................................................

- Học vị: (14)…………………………… Học hàm: (15) ......................................................

- Lý luận chính trị: (16)...................................................................................................

- Ngoại ngữ: (17) .........................................................................................................

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18) .....................................................................................

14. Chức vụ (19):

- Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: .............................................

- Chức vụ trong Đảng, đoàn thể: ..................................................................................

15. Nơi công tác: (20)...................................................................................................

16. Địa chỉ liên hệ: .......................................................................................................

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:………………… Số điện thoại nhà riêng: ..................

Số điện thoại di động:………………………………….. E-mail: .........................................

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1)…………………………………….. nhiệm kỳ 2021-2026.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày.... tháng…..năm 2021*  **Ký tên**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 07/HĐBC-HĐND*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ảnh*  *4cm x 6cm* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------------**    **SƠ YẾU LÝ LỊCH**  **CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **(1)…………….NHIỆM KỲ 2021-2026** |

1. Họ và tên thường dùng: (2).......................................................................................

2. Họ và tên khai sinh: (3) ............................................................................................

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): ...............................................................................

3. Ngày, tháng, năm sinh:……………………………. 4. Giới tính: .....................................

5. Quốc tịch: (4) ..........................................................................................................

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5) ........................................................................................

7. Quê quán: (6) ..........................................................................................................

8. Nơi đăng ký thường trú: (7) ......................................................................................

Nơi ở hiện nay: (8) .......................................................................................................

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9) .............................................................

Ngày cấp:…………………………………….. Cơ quan cấp: ..............................................

10. Dân tộc: (10)………………………….. 11. Tôn giáo: (11).............................................

12. Trình độ:.................................................................................................................

- Giáo dục phổ thông: (12) ...........................................................................................

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13) ......................................................................................

- Học vị: (14)……………………………… Học hàm: (15) ..................................................

- Lý luận chính trị: (16) ..................................................................................................

- Ngoại ngữ: (17) .........................................................................................................

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18) .....................................................................................

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:

- Ngạch:………………………. Mã ngạch ........................................................................

- Bậc lương (nếu có):………….. Hệ số lương:………. Ngày hưởng ................................

- Phụ cấp chức vụ (nếu có): .........................................................................................

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19) ...................................

15. Nơi công tác: (20) ..................................................................................................

16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: (21)

Ngày vào Đảng: ……./……../…………..

- Ngày chính thức: ……./……./………..; Số thẻ đảng viên: .............................................

- Chức vụ trong Đảng: .................................................................................................

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): .......................................................................................

Lý do ra khỏi Đảng: .....................................................................................................

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: (22) ..................................

- Tên tổ chức đoàn thể: ...............................................................................................

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể: .......................................................................

18. Tình trạng sức khỏe: (23) ........................................................................................

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24)..................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25)

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): ........................................................................

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):……………………….. nhiệm kỳ.....................

...................................................................................................................................

**23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể) |
| Từ tháng…………năm ………………  đến tháng………..năm………………..  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  …………………………………………. | …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………. |

**QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)**

24. Họ và tên cha:..................................... Sinh ngày …… tháng ….. năm………………..

+ Quê quán: ................................................................................................................

+ Nơi ở hiện nay: ........................................................................................................

+ Nghề nghiệp, chức vụ: .............................................................................................

+ Nơi công tác: ...........................................................................................................

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có): ........................

...................................................................................................................................

25. Họ và tên mẹ:.............................. Sinh ngày …… tháng ….. năm………………………

+ Quê quán: ................................................................................................................

+ Nơi ở hiện nay: ........................................................................................................

+ Nghề nghiệp, chức vụ: .............................................................................................

+ Nơi công tác: ...........................................................................................................

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có): ........................

...................................................................................................................................

26. Họ và tên vợ (chồng):.......................... Sinh ngày ……. tháng …… năm ……………..

+ Quê quán: ................................................................................................................

+ Nơi ở hiện nay: ........................................................................................................

+ Nghề nghiệp, chức vụ: .............................................................................................

+ Nơi công tác: ...........................................................................................................

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có): ........................

...................................................................................................................................

27. Họ và tên con thứ nhất:..................... Sinh ngày …… tháng …… năm ………………..

+ Nơi ở hiện nay: ........................................................................................................

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có): ................................................................................

+ Nơi công tác/học tập: ...............................................................................................

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có): ........................

...................................................................................................................................

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú** | *……, ngày…….tháng……năm 2021*  **Ký tên**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 08/HĐBC-HĐND*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ảnh*  *4cm x 6cm* | **TIỂU SỬ TÓM TẮT**  **CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **(1)……………….NHIỆM KỲ 2021-2026** |

1. Họ và tên thường dùng: (2) ......................................................................................

2. Họ và tên khai sinh: (3) ............................................................................................

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): ...............................................................................

3. Ngày, tháng, năm sinh:……………………………… 4. Giới tính:....................................

5. Quốc tịch: (4) ..........................................................................................................

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5) ........................................................................................

7. Quê quán: (6) ..........................................................................................................

8. Nơi đăng ký thường trú: (7) ......................................................................................

Nơi ở hiện nay: (8) .......................................................................................................

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9) .............................................................

Ngày cấp:.......................................................... Cơ quan cấp: ……………………………

10. Dân tộc: (10)………………………………. 11. Tôn giáo: (11) ......................................

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12) ...........................................................................................

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13) ......................................................................................

- Học vị: (14)……………………………………… Học hàm: (15) .........................................

- Lý luận chính trị: (16) ..................................................................................................

- Ngoại ngữ: (17) .........................................................................................................

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18) .....................................................................................

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19) ...................................

15. Nơi công tác: (20) ..................................................................................................

16. Ngày vào Đảng: (21) ………/……./ ..........................................................................

- Ngày chính thức: ……/…./………..; Số thẻ đảng viên ..................................................

- Chức vụ trong Đảng: .................................................................................................

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có) ........................................................................................

Lý do ra khỏi Đảng: .....................................................................................................

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: (22) ..........................................

- Tên tổ chức đoàn thể: ...............................................................................................

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể: .......................................................................

18. Tình trạng sức khỏe: (23) ........................................................................................

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24)..................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25)

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):.........................................................................

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):…………………….. nhiệm kỳ........................

...................................................................................................................................

**TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể) |
| Từ tháng…………năm ………………  đến tháng………..năm………………..  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  …………………………………………. | …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…..tháng…năm 2021*  **Ký tên**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Mẫu số 09/HĐBC-HĐND*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
------------------------------**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (27)**

**CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)……………………….**

**NHIỆM KỲ 2021-2026**

(Ngày……..tháng…….năm 2021)(27.2)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:............................................. Ngày tháng năm sinh:....................................

- Chức vụ/chức danh công tác: ....................................................................................

- Cơ quan/đơn vị công tác: ..........................................................................................

- Nơi thường trú: .........................................................................................................

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(27.3): .......................................

Ngày cấp:…………………….. nơi cấp: ..........................................................................

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:......................................................... Ngày tháng năm sinh:………………….

- Nghề nghiệp: ............................................................................................................

- Nơi làm việc(27.4): ........................................................................................................

- Nơi thường trú: .........................................................................................................

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ............................................

Ngày cấp:…………………………………. nơi cấp: ..........................................................

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..................................................... Ngày tháng năm sinh: …………………….

- Nơi thường trú: .........................................................................................................

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ............................................

Ngày cấp:………………………………………. nơi cấp: ....................................................

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**(27.5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(27.6):

1.1. Đất ở(27.7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ(27.8):.................................................................................................................

- Diện tích(27.9):..............................................................................................................

- Giá trị(27.10):.................................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(27.11): ........................................................................

- Thông tin khác (nếu có)(27.12): ......................................................................................

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác(27.13):

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:……………………….. Địa chỉ: ........................................................................

- Diện tích: ..................................................................................................................

- Giá trị(27.10): ................................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ..............................................................................

- Thông tin khác (nếu có): ............................................................................................

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:......................................................................................................

- Địa chỉ:......................................................................................................................

- Loại nhà(27.14): .............................................................................................................

- Diện tích sử dụng (27.15): ..............................................................................................

- Giá trị(27.10): ................................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ................................................................................

- Thông tin khác (nếu có): ............................................................................................

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác(27.16):

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:………………………………. Địa chỉ: ......................................................

- Loại công trình:………………………………….. Cấp công trình:......................................

- Diện tích:...................................................................................................................

- Giá trị (27.10):................................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.................................................................................

- Thông tin khác (nếu có):.............................................................................................

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất(27.17):

3.1. Cây lâu năm(27.18):

- Loại cây:…………………….. Số lượng:……………….. Giá trị(27.10):.................................

- Loại cây:…………………….. Số lượng:……………….. Giá trị(27.10):.................................

3.2. Rừng sản xuất(27.19):

- Loại rừng:………………………. Diện tích:………………. Giá trị(27.10): ..............................

- Loại rừng:………………………. Diện tích:………………. Giá trị(27.10): ..............................

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:……………………. Số lượng:……………………… Giá trị(27.10): ...........................

- Tên gọi:……………………. Số lượng:……………………… Giá trị(10): .............................

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(27.20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(27.21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị: ................

- Tên cổ phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị: ................

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị: ................

- Tên trái phiếu:…………………………….. Số lượng:……………………. Giá trị: ................

6.3. Vốn góp(27.22):

- Hình thức góp vốn:………………………………………….. Giá trị: ...................................

- Hình thức góp vốn:………………………………………….. Giá trị: ...................................

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác(27.23):

- Tên giấy tờ có giá:………………………………………… Giá trị: .....................................

- Tên giấy tờ có giá:………………………………………… Giá trị: .....................................

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)( 27.24):

- Tên tài sản:……………………….. Số đăng ký:……………………. Giá trị: .......................

- Tên tài sản:……………………….. Số đăng ký:……………………. Giá trị: .......................

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác(27.25):

- Tên tài sản:…………………. Năm bắt đầu sở hữu:……………….. Giá trị: ......................

- Tên tài sản:…………………. Năm bắt đầu sở hữu:……………….. Giá trị: ......................

8. Tài sản ở nước ngoài(27.26): .......................................................................................

9. Tài khoản ở nước ngoài(27.27):

- Tên chủ tài khoản:……………………………, số tài khoản: ............................................

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .................................

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021-2026**

*(Kèm theo các mẫu số 06, 07, 08, 09/HĐBC-HĐND)*

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A...).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ **“Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”**; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh hoặc tương đương nơi đã cấp Giấy khai sinh hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh của ông nội hay nơi sinh của cha; trường hợp cá biệt có thể ghi theo nơi sinh của mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ); ghi rõ tên hiện nay của xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên Sổ hộ khẩu;

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi **“Như trên”**. Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp ...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

(9) Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: Ghi một trong các số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc số căn cước công dân; trường hợp là Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân thì ghi số giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer....

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo (nếu có) (như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư ...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi **“không”**.

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm, học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là **“9/10 phổ thông”**, đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là **“12/12/phổ thông”**,...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, Phó giáo sư, Viện sĩ....

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ luật - Tiếng Anh...). Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì ghi rõ tên dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp (lực lượng vũ trang, ngoại giao...); chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm nào và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: tốt, trung bình, kém.

(24) Chỉ khai những hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cao nhất trong từng loại đối với cá nhân và viết rõ tên, hạng, được tặng năm nào (Ví dụ: được tặng Huân chương lao động hạng 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương lao động hạng 2; được tặng Huân chương độc lập hạng 1, 2, 3 thì chỉ ghi được Huân chương độc lập hạng 1... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể) gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xỷ lý hình sự: các hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án về hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi **“Không bị kỷ luật, không có án tích”.**

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

(27) Việc kê khai đối với Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo Hướng dẫn tại Nghị định số [130/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-130-2020-nd-cp-kiem-soat-tai-san-thu-nhap-cua-nguoi-co-chuc-vu-trong-co-quan-to-chuc-434740.aspx) ngày 30/10/2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cụ thể như sau:

(27.2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(27.3) Ghi số căn cước công dân; trường hợp chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; ghi rõ ngày cấp và cơ quan cấp.

(27.4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

(27.5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(27.6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(27.7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(27.8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(27.9) Ghi diện tích đất (m2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(27.10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(27.11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(27.12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (Ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(27.13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(27.14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(27.15) Ghi tổng diện tích (m2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của Nhà nước.

(27.16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(27.17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lây gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(27.19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(27.20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(27.22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(27.23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(27.24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tầu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27.27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

1. Nghị định 53/2015/NĐ-CP, ngày 29/5/2015 của Chính phủ, Quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức và Nghị định 104/2020/NĐ-CP, ngày 04/9/2020 của Chính phủ bổ sung đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ nữ là ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là người dân tộc thiểu số. [↑](#footnote-ref-2)